

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-J-461 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-J-461 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

NC-JOIN  
NC-JOIN

File No.  
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice  
District Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County

Quận/hạt

IN THE MATTER OF  
VỀ VỤ

JUVENILE LEVEL 1  
DISPOSITION ORDER  
(DELINQUENT)

LỆNH XỬ LÝ BẬC 1  
DÀNH CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN  
(CÓ KHUYNH HƯỚNG PHẠM PHÁP)

G.S. 7B-2500, -2501, -2502, -2506 through -2510, -2512  
G.S. 7B-2500, -2501, -2502, -2506 đến -2510, -2512

Name And Address Of Juvenile  
Tên và địa chỉ của trẻ vị thành niên

Juvenile's Date Of Birth  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh của trẻ vị thành niên  
(tháng/ngày/năm)

Age  
Tuổi

Date Of Hearing  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày phiên tòa (tháng/ngày/  
năm)

The following persons were present at the hearing:

Những người sau đây đã có mặt tại phiên tòa:

NAME TÊN, HỌ	RELATIONSHIP / TITLE QUAN HỆ / CHỨC DANH	NAME TÊN, HỌ	RELATIONSHIP / TITLE QUAN HỆ / CHỨC DANH

FINDINGS  
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN

The most serious offense before the Court today, which provides the basis for disposition, is:  
Tội nặng nhất được đưa ra trước Tòa Án hôm nay để làm căn cứ cho lệnh xử lý này là:

Adjudication Date (mm/dd/yyyy) Ngày xét xử (tháng/ngày/năm)	Offense (with statute number) Hành vi phạm tội (nếu cả số của điều luật)	F/M DH/TH	Class Bậc tội

Based on the evidence presented, the Court makes the following Findings of Fact:

Căn cứ vào các chứng cứ được trình bày, Tòa Án xác nhận các sự việc sau đây:

- The juvenile's delinquency history level is  low (0-1 point).  medium (2-3 points).  high (4+ points).  
Mức phạm pháp trước đây của trẻ vị thành niên là  thấp (0-1 điểm).  trung bình (2-3 điểm).  cao (4+ điểm).
- The Court received and considered  predisposition report  risk assessment  needs assessment  and incorporates the contents of  predisposition report  risk assessment  needs assessment by reference.  
(If the report is incorporated, a copy of the report **MUST** be attached to the order.)  
Tòa Án đã nhận được và xem xét  báo cáo trước khi xử lý  bản đánh giá rủi ro  bản đánh giá nhu cầu  và hợp nhất nội dung của  báo cáo trước khi xử lý  bản đánh giá rủi ro  bản đánh giá nhu cầu vào lệnh này qua việc dẫn chiếu. (Nếu báo cáo được hợp nhất vào lệnh này thì **PHẢI** đính kèm bản sao báo cáo.)
- If ordered under G.S. 7B-2502(a2), the Court reviewed and considered a comprehensive clinical assessment or equivalent mental health assessment.  
Nếu có lệnh đánh giá theo điều G.S. 7B-2502(a2) thì Tòa Án đã xem xét và cân nhắc kết quả của buổi đánh giá lâm sàng toàn diện hoặc buổi đánh giá tương tự về sức khỏe tâm thần.
- If a care review team was ordered to convene under G.S. 7B-2502(a3), the Court has reviewed and considered the recommendation plan submitted by the care review team in determining the juvenile's disposition in accordance with G.S. 7B-2501(c).  
Nếu có lệnh yêu cầu triệu tập một nhóm xem xét chăm sóc theo điều G.S. 7B-2502(a3) thì Tòa Án đã xem xét và cân nhắc kế hoạch khuyến nghị bởi nhóm xem xét chăm sóc trước khi quyết định cách xử lý vụ án của trẻ vị thành niên chiếu theo G.S. 7B-2501(c).

(Over)  
(Xem mặt sau)

5. Other Findings: (continue on attached page(s) if necessary)  
Các xác nhận khác: (tiếp tục ở (các) trang đính kèm, nếu cần)

**NOTE:** State any findings regarding the seriousness of the offense(s); the need to hold the juvenile accountable; the importance of protecting the public; the degree of the juvenile's culpability; the juvenile's rehabilitative and treatment needs; and available and appropriate resources. Also use this space for any findings that are required to support a particular disposition, such as a finding of the juvenile's ability to pay if the Court is ordering restitution.

**LƯU Ý:** Trình bày rõ bất cứ sự việc nào liên quan đến độ nặng của (các) hành vi phạm tội; sự cần thiết phải bắt trẻ vị thành niên chịu trách nhiệm; tầm quan trọng của việc bảo vệ công chúng; mức độ tham gia gây ra tội của trẻ vị thành niên; các nhu cầu của trẻ vị thành niên trong việc phục hồi và điều trị; và các nguồn trợ giúp thích hợp hiện có cho trẻ. Khoảng trống này cũng được sử dụng để ghi bất cứ sự việc nào cần xác nhận để làm cơ sở cho một biện pháp xử lý cụ thể, thí dụ như xác nhận rằng trẻ vị thành niên có khả năng tài chính nếu Tòa Án ra lệnh bắt trẻ trả tiền bồi thường.

### CONCLUSIONS OF LAW CÁC KẾT LUẬN VỀ LUẬT PHÁP

Based on the foregoing findings of fact, the Court concludes as a matter of law that:  
Căn cứ vào các sự việc được xác nhận trên đây, Tòa Án đưa ra các kết luận theo luật pháp rằng:

(check only one block)  
(chỉ đánh dấu một lựa chọn)

1. The Court is required to order a Level 1 disposition.  
Tòa Án phải ra lệnh xử lý Bậc 1.
2. The Court is required to order either a Level 1 disposition or a Level 2 disposition, and is entering a Level 1 disposition.  
Tòa Án phải ra lệnh xử lý Bậc 1 hay Bậc 2, và quyết định ra lệnh xử lý Bậc 1.

The disposition ordered below is authorized by law and is an appropriate plan to meet the needs of the juvenile and to achieve the objective of the State in exercising jurisdiction.

Lệnh xử lý dưới đây theo đúng quy định của luật pháp và là cách phù hợp để đáp ứng các nhu cầu của trẻ vị thành niên đồng thời đạt được các mục đích của Tiểu Bang có thẩm quyền.

### ORDER ÁN LỆNH

It is ORDERED that: (Select and check appropriate disposition(s). If necessary, attach additional page and reference appropriate paragraph(s).)  
Tòa RA LỆNH: (Chọn và đánh dấu vào (các) biện pháp xử lý thích hợp. Nếu cần, đính kèm thêm trang và dẫn chiếu (các) đoạn thích hợp.)

### LEVEL 1. COMMUNITY DISPOSITIONS BẬC 1. XỬ LÝ TRONG CỘNG ĐỒNG

1. **Probation** [G.S. 7B-2506(8)]. The juvenile be placed on probation, under the supervision of a court counselor, for (period of time, not to exceed one year) \_\_\_\_\_, under the conditions listed on the attached "Supplemental Order Conditions Of Probation (Delinquent)" (AOC-J-464).  
**Quản Chế** [G.S. 7B-2506(8)]. Trẻ vị thành niên phải chịu lệnh quản chế và được nhân viên tư vấn của Tòa Án giám sát trong (khoảng thời gian không quá một năm) \_\_\_\_\_, đồng thời tuân thủ các điều kiện được ghi trong bản "Lệnh Bỏ Sung Các Điều Kiện Quản Chế (Trẻ Có Khuynh Hướng Phạm Pháp)" (AOC-J-464).
- a. Ordered for \_\_\_\_\_ months and \_\_\_\_\_ days, or until (specify date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_.  
a. Lệnh quản chế có hiệu lực trong \_\_\_\_\_ tháng và \_\_\_\_\_ ngày, hoặc cho tới (nếu rõ ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_.
- b. Continued as previously ordered on (specify date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_.  
b. Tiếp tục tuân theo lệnh quản chế được ban hành trước đây vào (nếu rõ ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_.
- c. Extended from (specify date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_ for \_\_\_\_\_ months and \_\_\_\_\_ days, or until (specify date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_.  
c. Lệnh quản chế được gia hạn thêm \_\_\_\_\_ tháng và \_\_\_\_\_ ngày tính từ (nếu rõ ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_, hoặc được gia hạn đến (nếu rõ ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_.
2. **In-Home Supervision With Conditions** [G.S. 7B-2506(1)a]. The juvenile remain at home and be supervised by \_\_\_\_\_, subject to the following conditions applicable to the parent, guardian, custodian, and/or the juvenile as specified.  
**Giám Sát Tại Nhà Có Điều Kiện** [G.S. 7B-2506(1)a]. Trẻ vị thành niên sẽ tiếp tục sống ở nhà dưới sự giám sát của \_\_\_\_\_, miễn là phụ huynh, người giám hộ, người nuôi giữ và/hoặc trẻ vị thành niên tuân thủ các điều kiện quy định cho từng người.

(Over)  
(Xem mặt sau)

IN THE MATTER OF  
VỀ VỤ

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Juvenile  
Tên của trẻ vị thành niên

3. **Custody** [G.S. 7B-2506(1)b]. The juvenile is hereby placed in the custody of:  
 The juvenile's parents  The juvenile's mother  The juvenile's father  Other: (specify person or agency and relationship to juvenile, if any) \_\_\_\_\_
- Quyền Giám Hộ** [G.S. 7B-2506(1)b]. Quyền giám hộ trẻ vị thành niên bây giờ được giao cho:  
 Phụ huynh của trẻ  Người mẹ của trẻ  Người cha của trẻ  Người khác: (cho biết cụ thể tên người hay cơ quan cũng như quan hệ của họ với trẻ vị thành niên, nếu có) \_\_\_\_\_
- The County Department of Social Services, as the Court finds that the juvenile's continuation in the juvenile's home would be contrary to the juvenile's best interest, as evidenced by \_\_\_\_\_  
Phòng Dịch Vụ Xã Hội của Quận/Hạt, vì Tòa Án xác nhận rằng việc trẻ tiếp tục sống tại nhà là không phù hợp với lợi ích tốt nhất của trẻ. Bằng chứng làm cơ sở cho quyết định này là \_\_\_\_\_
- The County Department of Social Services was notified and given an opportunity to be heard prior to the Court placing the juvenile in the agency's custody.  
Phòng Dịch Vụ Xã Hội của Quận/Hạt đã được thông báo và có cơ hội trình bày với Tòa Án trước được giao quyền giám hộ trẻ.  
The Court also finds that:  
Bằng chứng làm cơ sở cho quyết định này là:
- Efforts to prevent the need for the juvenile's placement were precluded by an immediate threat of harm to the juvenile, and placement of the juvenile in the absence of such efforts was reasonable. The immediate threat of harm was \_\_\_\_\_  
Không có nỗ lực phòng ngừa nào để tránh phải đưa trẻ vị thành niên này đến nơi tạm nuôi vì có mối đe dọa trước mắt có thể gây hại cho trẻ, và việc đưa trẻ đến nơi tạm nuôi là hợp lý cho dù không có nỗ lực tìm cách khác trước. Mối đe dọa trước mắt đó là \_\_\_\_\_
- The County Department of Social Services made reasonable efforts to prevent the need for the juvenile's placement, namely: \_\_\_\_\_  
Phòng Dịch Vụ Xã Hội của Quận/Hạt đã có các nỗ lực hợp lý để tránh phải đưa trẻ vị thành niên đến nơi tạm nuôi, cụ thể là: \_\_\_\_\_
- The County Department of Social Services did not make reasonable efforts to prevent the need for the juvenile's placement.  
Phòng Dịch Vụ Xã Hội của Quận/Hạt đã không có nỗ lực hợp lý nào để tránh phải đưa trẻ vị thành niên đến nơi tạm nuôi  
This placement shall be reviewed in accordance with G.S. 7B-906.1.  
Quyết định đưa trẻ đến nơi tạm nuôi sẽ được xem xét lại chiếu theo G.S. 7B-906.1.
4. **Excuse From School Attendance** [G.S. 7B-2506(2)]. The juvenile, who is under the age of 16 years, is excused from compliance with the compulsory school attendance law and shall comply instead with the following plan:  
**Được Miễn Theo Học Ở Trường** [G.S. 7B-2506(2)]. Trẻ vị thành niên còn dưới 16 tuổi nhưng được miễn tuân thủ luật bắt buộc đi học ở trường và thay vì đó sẽ tuân theo kế hoạch sau đây:
5. **Cooperate With Specified Program** [G.S. 7B-2506(3)]. The juvenile cooperate with the following (specify time, not to exceed one year) \_\_\_\_\_:  
**Hợp Tác Với Chương Trình Quy Định** [G.S. 7B-2506(3)]. Trẻ vị thành niên sẽ hợp tác với chương trình dưới đây (cho biết khoảng thời gian, không quá một năm) \_\_\_\_\_:
- a. community-based program \_\_\_\_\_  
a. chương trình trong cộng đồng \_\_\_\_\_
- b. intensive substance abuse treatment program \_\_\_\_\_  
b. chương trình điều trị tập trung tình trạng lạm dụng chất gây nghiện \_\_\_\_\_
- c. residential treatment program \_\_\_\_\_  
c. chương trình điều trị nội trú \_\_\_\_\_
- d. nonresidential treatment program \_\_\_\_\_  
d. chương trình điều trị ngoại trú \_\_\_\_\_

(Over)  
(Xem mặt sau)

6. **Restitution** [G.S. 7B-2506(4)]. (up to \$500) The juvenile pay restitution in the amount of (Specify amount, not to exceed \$500. If more than \$500, use AOC-J-465.) \$ \_\_\_\_\_, into the office of the Clerk of Superior Court for the benefit of (name payee) \_\_\_\_\_, payable within (specify time, not to exceed 12 months) \_\_\_\_\_, according to the following terms and conditions:  
(NOTE: The Court shall make specific findings that the juvenile has and can reasonably acquire the means to make restitution.)  
**Bồi Thường** [G.S. 7B-2506(4)]. (đến tối đa 500\$) Trẻ vị thành niên sẽ trả khoản bồi thường là (cho biết số tiền, không quá 500\$. Nếu nhiều hơn 500\$, phải điền mẫu AOC-J-465.) \_\_\_\_\_ \$ cho phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm để bồi thường cho (tên người nhận tiền) \_\_\_\_\_. Số tiền này phải được trả trong vòng (cho biết thời hạn, không quá 12 tháng) \_\_\_\_\_ chiếu theo các điều kiện và điều khoản sau đây:  
(LƯU Ý: Tòa Án phải xác nhận cụ thể rằng trẻ vị thành niên này có khả năng tài chính hay khả năng kiếm tiền hợp lý để có thể trả tiền bồi thường.)
7. **Payment Of Fine** [G.S. 7B-2506(5)]. The juvenile pay a fine in the amount of (specify amount that does not exceed maximum fine for adult for same offense) \$ \_\_\_\_\_ into the office of the Clerk of Superior Court.  
**Trả Tiền Phạt** [G.S. 7B-2506(5)]. Trẻ vị thành niên phải đóng tiền phạt là (cho biết số tiền, không quá mức tiền phạt tối đa quy định cho người lớn phạm tội này) \_\_\_\_\_ \$ cho phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm.
8. **Community Service** [G.S. 7B-2506(6)]. The juvenile perform \_\_\_\_\_ hours (not to exceed 100) of community service, as follows: (specify nature of work and length of obligation, not to exceed 12 months)  
**Phục Vụ Cộng Đồng** [G.S. 7B-2506(6)]. Trẻ vị thành niên phải thực hiện \_\_\_\_\_ giờ (không quá 100 giờ) phục vụ cộng đồng như sau: (cho biết bản chất công việc phục vụ và thời gian phục vụ, không quá 12 tháng)
9. **Victim-Offender Reconciliation** [G.S. 7B-2506(7)]. The juvenile must participate in a victim-offender reconciliation program.  
**Hòa Giải Giữa Phạm Nhân và Nạn Nhân** [G.S. 7B-2506(7)]. Trẻ vị thành niên phải tham gia vào chương trình hòa giải dành cho phạm nhân và nạn nhân.
10. **No Drivers License** [G.S. 7B-2506(9)]. The juvenile not be licensed to operate a motor vehicle in this state:  
**Tước Quyền Lái Xe** [G.S. 7B-2506(9)]. Trẻ vị thành niên không được phát bằng lái xe cơ giới trong tiểu bang này:  
 a. for (specify period of time) \_\_\_\_\_  
a. trong (cho biết khoảng thời gian) \_\_\_\_\_  
 b. for as long as the Court retains jurisdiction, and that the Clerk notify the Division of Motor Vehicles of this Order.  
b. cho đến khi nào Tòa Án không còn giữ thẩm quyền đối với vụ án này, và Lục Sự phải thông báo cho Nha Lộ Vận biết về Lệnh này.  
**NOTE TO CLERK:** Use AOC-J-466 to notify DMV.  
**LỤC SỰ XIN LƯU Ý:** Hãy sử dụng mẫu AOC-J-466 để thông báo cho Nha Lộ Vận.
11. **Curfew** [G.S. 7B-2506(10)]. The juvenile comply with the following curfew:  
**Lệnh Giới Nghiêm** [G.S. 7B-2506(10)]. Trẻ vị thành niên phải tuân thủ lệnh giới nghiêm như sau:
12. **Not Associate With Specified Persons** [G.S. 7B-2506(11)]. The juvenile not associate with: (specify person(s))  
**Không Tiếp Xúc Với Một Số Người Cụ Thể** [G.S. 7B-2506(11)]. Trẻ vị thành niên không được tiếp xúc với: (cho biết tên (những) người cụ thể)
13. **Not Be In Specified Places** [G.S. 7B-2506(11)]. The juvenile not be in the following place(s):  
**Không Có Mặt Tại Một Số Nơi Cụ Thể** [G.S. 7B-2506(11)]. Trẻ vị thành niên không được có mặt tại (những) nơi sau đây:
14. **Intermittent Confinement** [G.S. 7B-2506(12)]. The juvenile be confined on an intermittent basis in an approved detention facility, as follows: (Specify days and timing, not more than five 24-hour periods. If intermittent confinement is ordered as a part of a violation of probation, the Court may order up to ten 24-hour periods.)  
**Giám Tù Gián Đoạn** [G.S. 7B-2506(12)]. Trẻ vị thành niên phải bị giam tù gián đoạn tại một cơ sở giam giữ được chấp thuận, theo lịch như sau: (Cho biết cụ thể các ngày và giờ, tối đa là năm lần ở tù, mỗi lần không quá 24 tiếng. Nếu Tòa Án ra lệnh giam tù gián đoạn như là một hình phạt vì trẻ đã phạm lệnh quản chế thì có thể phạt đến mười lần ở tù, mỗi lần không quá 24 tiếng.)

(Over)  
(Xem mặt sau)

IN THE MATTER OF:  
VỀ VỤ:

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Juvenile  
Tên của trẻ vị thành niên

15. **Wilderness Program** [G.S. 7B-2506(13)]. The juvenile cooperate with placement in a wilderness program.  
**NOTE:** This is both a Level 1 and a Level 2 disposition.  
**Chương Trình Cắm Trại Nơi Hoang Dã** [G.S. 7B-2506(13)]. Trẻ vị thành niên phải hợp tác trong việc tham gia chương trình cắm trại nơi hoang dã.  
**LƯU Ý:** Điều kiện này là biện pháp xử lý thuộc cả Bậc 1 và Bậc 2.

OTHER  
ĐIỀU KIỆN KHÁC

16. **Testing For Use Of Controlled Substances** [G.S. 7B-2502(a1)]. The juvenile be tested for the use of controlled substances, and that the results of this initial test be used for evaluation and treatment purposes only.  
**Xét Nghiệm Tìm Các Chất Quốc Cấm** [G.S. 7B-2502(a1)]. Trẻ vị thành niên sẽ được xét nghiệm xem có sử dụng các chất quốc cấm hay không, và kết quả của xét nghiệm ban đầu này chỉ được sử dụng vào mục đích đánh giá và điều trị cho trẻ.
17. **Testing For Use Of Alcohol** [G.S. 7B-2502(a1)]. The juvenile be tested for the use of alcohol, and that the results of this initial test be used for evaluation and treatment purposes only.  
**Xét Nghiệm Tìm Chất Cồn** [G.S. 7B-2502(a1)]. Trẻ vị thành niên sẽ được xét nghiệm xem có sử dụng đồ uống có cồn (rượu, bia...) hay không, và kết quả của xét nghiệm ban đầu này chỉ được sử dụng vào mục đích đánh giá và điều trị cho trẻ
18. **Requirements For Parent, Guardian, Custodian** [G.S. 7B-2700 through -2704]. The juvenile's  mother  father  guardian  custodian comply with the "Supplemental Order To Parent, Guardian Or Custodian Of Undisciplined Or Delinquent Juvenile" (AOC-J-463) directed to that person, which is attached and incorporated by reference.  
**Các Điều Kiện Áp Đặt Cho Phụ Huynh, Người Giám Hộ hay Người Nuôi Giữ** [G.S. 7B-2700 đến -2704].  Người mẹ  Người cha  Người giám hộ  Người nuôi giữ trẻ vị thành niên phải tuân thủ theo "Lệnh Bổ Sung cho Phụ Huynh, Người Giám Hộ hay Người Nuôi Giữ Trẻ Vị Thành Niên Có Hành Vi Vô Kỷ Luật Hay Có Khuynh Hướng Phạm Pháp" (AOC-J-463) mà Tòa Án ban hành đối với người đó. Lệnh đó được đính kèm và hợp nhất vào văn bản này thông qua việc dẫn chiếu.
19. **Next Hearing** This case be brought back before the Court for review on (specify date (mm/dd/yyyy) or time period) \_\_\_\_\_.  
**Phiên Tòa Tiếp Theo** Tòa Án sẽ xem xét lại vụ án này vào/sau (cho biết ngày (tháng/ngày/năm) hoặc khoảng thời gian cụ thể) \_\_\_\_\_.
20. **Expunction** The Court informed the juvenile about the expunction of juvenile records as provided for in G.S. 7B-3200, if applicable.  
**Thủ Tục Xóa Bỏ** Nếu thích hợp, Tòa Án đã thông báo cho trẻ vị thành niên biết về cách yêu cầu xóa bỏ hồ sơ tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên theo quy định của G.S. 7B-3200.
21. **Other** (attach additional sheet if necessary):  
**Điều Kiện Khác** (đính kèm thêm trang nếu cần):

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of District Court Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of District Court Judge  
Chữ Ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực